

Bộ câu hỏi trắc nghiệm ôn tập cuối năm

Môn: Toán lớp 4

Câu 1. Ngày thứ nhất An đọc được $\frac{1}{4}$ quyển sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp $\frac{5}{8}$ quyển sách đó. Hỏi còn lại bao nhiêu phần quyển sách An chưa đọc?

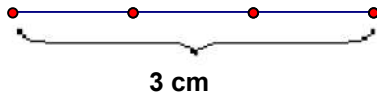
A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{3}{8}$

D. $\frac{6}{8}$

Câu 2.



Tổng độ dài các đoạn thẳng có trong hình trên là:

A. 7cm

B. 10 cm

C. 6cm

D. 3cm

Câu 3. Có bao nhiêu số có 2 chữ số mà chữ số hàng chục là 7:

A. 8 số

B. 9 số

C. 10 số

D. 7 số

Câu 4. Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} : \frac{3}{7}$ là:

A. $\frac{14}{12}$

B. $\frac{5}{12}$

C. $\frac{14}{35}$

D. $\frac{14}{15}$

Câu 5. Phân số bằng phân số $\frac{3}{7}$ là:

A. $\frac{7}{14}$

B. $\frac{12}{28}$

C. $\frac{6}{9}$

D. $\frac{13}{17}$

Câu 6. Có bao nhiêu phần mười trong một nửa:

A. 20

B. 10

C. 5

D. 4

Câu 7. An có 24 viên bi, Bình có nhiều hơn trung bình cộng số bi của cả hai bạn là 8 viên. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

A. 40 viên

B. 36 viên

C. 34 viên

D. 32 viên

Câu 8. Tổng của 3 số tự nhiên liên tiếp là 21. Tìm 3 số tự nhiên đó ?

A. 21, 22, 23

B. 19, 20, 21

C. 7, 8, 9

D. 6, 7, 8

Câu 9. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 36 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Diện tích của thửa ruộng đó là:

A. 24 m²

B. 60 m²

C. 864 m²

D. 744 m²

Câu 10. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức: $224 + 376 : 6 \times 4$ là:

- A.** Chia, nhân, cộng **B.** Cộng, chia, nhân **C.** Nhân, chia, cộng **D.** Cộng, nhân, chia

Câu 11. Số lớn nhất có 5 chữ số mà tổng của các chữ số bằng 27 là:

- A.** 98 765 **B.** 98 730 **C.** 99 900 **D.** 99 999

Câu 12. Trong 10 ngày, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 50kg đường. Trong 9 ngày đầu, cửa hàng bán được 420kg đường. Hỏi ngày thứ mười, cửa hàng bán được bao nhiêu kg đường?

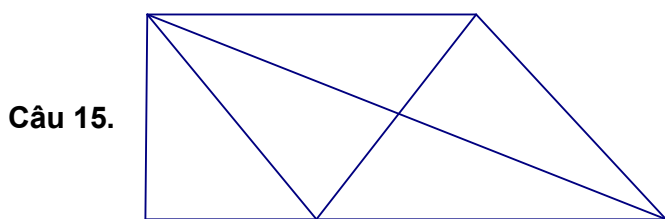
- A.** 80kg **B.** 30kg **C.** 47kg **D.** 50kg

Câu 13. Có bao nhiêu số có 2 chữ số mà không có chữ số 5:

- A.** 72 số **B.** Không thể tính được **C.** 50 số **D.** 18 số

Câu 14. Trong các tích dưới đây, tích nào có kết quả gần 4000 nhất?

- A.** 528×7 **B.** 748×6 **C.** 812×5 **D.** 409×10



Hình trên có bao nhiêu đoạn thẳng?

- A.** 7 đoạn thẳng. **B.** 13 đoạn thẳng. **C.** 10 đoạn thẳng. **D.** 9 đoạn thẳng.

Câu 16. Biểu thức nào dưới đây có kết quả bằng 34×78 ?

- A.** $(30 \times 78) \times (4 \times 78)$ **B.** $(30 \times 78) + (4 \times 78)$
C. $(30 + 78) \times (4 \times 78)$ **D.** $(30 + 78) + (4 + 78)$

Câu 17. Cả hai lớp 4A và 4B có 44 học sinh. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số học sinh lớp 4A thì bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh lớp 4B. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh?

- A.** 33 học sinh. **B.** 24 học sinh. **C.** 20 học sinh. **D.** 30 học sinh.

Câu 18. Thông có nhiều hơn Minh 12 hòn bi. Hỏi Thông phải cho Minh mấy hòn bi để hai bạn có số bi bằng nhau.

- A.** 12 hòn **B.** 2 hòn **C.** 6 hòn **D.** 10 hòn

Câu 19. Số hạng tiếp theo của dãy số sau : 2, 3, 5, 9, 17, ... , là:

- A.** 30 **B.** 26 **C.** 33 **D.** 31

Câu 20. Để số $196*$ chia hết cho cả 2 và 3 thì chữ số cần điền vào vị trí dấu * là:

- A.** 2 **B.** 4 **C.** 3 **D.** 6

Câu 21. Trong một hộp bi có 7 viên bi vàng, 8 viên bi xanh và 9 viên bi đỏ. Hỏi không nhìn vào hộp phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có mỗi loại 1 viên bi?

- A.** 15 viên **B.** 18 viên **C.** 16 viên **D.** 17 viên

Câu 22. Biết $\frac{1}{4}$ của một bao gạo cân nặng 10kg. Hỏi $\frac{2}{5}$ của bao gạo đó cân nặng bao nhiêu kg?

- A. 22kg B. 16kg C. 20kg D. 26kg

Câu 23. Phân số lớn nhất trong các phân số dưới đây là:

- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{7}{7}$ D. $\frac{4}{3}$

Câu 24. Số còn thiếu của dãy 1, 2, 4, 7, ..., 16. là:

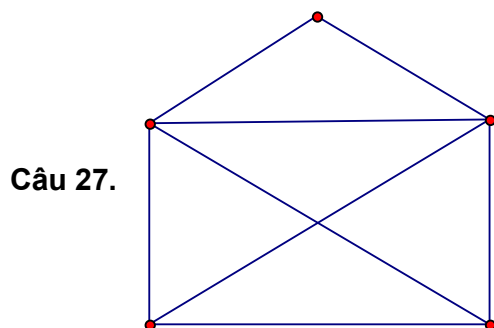
- A. 11 B. 10 C. 15 D. 12

Câu 25. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{5}{8}$?

- A. $\frac{15}{16}$ B. $\frac{20}{24}$ C. $\frac{15}{24}$ D. $\frac{10}{24}$

Câu 26. Khi mẹ sinh con thì mẹ 24 tuổi và bố 27 tuổi. Hỏi khi con lên 10 tuổi thì tổng số tuổi của cả bố, mẹ và con là bao nhiêu?

- A. 71 B. 61 C. 81 D. 51



Hình trên có bao nhiêu đoạn thẳng:

- A. 10 B. 9 C. 8 D. 12

Câu 28. Điền thêm số tiếp theo vào dãy số sau cho hợp quy luật: 2 , 5 , 9 , 14 , □..

- A. 23 B. 20 C. 19 D. 21

Câu 29. Số gồm 4 triệu, 2 chục nghìn, 3 chục viết là:

- A. 4020030 B. 420030 C. 4200030 D. 42000030

Câu 30. Kết quả của phép tính $47\,082 - 1\,628$ là:

- A. 46 464 B. 30 802 C. 45 454 D. 45 464

Câu 31. Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$ là:

- A. $\frac{5}{2}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 32. $15\text{ m}^2\,9\text{ dm}^2 = \dots\dots\text{ dm}^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

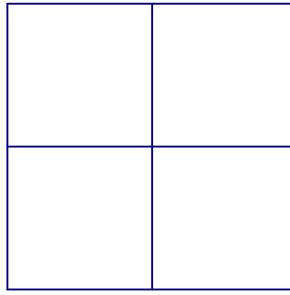
A. 1509

B. 1590

C. 159

D. 1500

Câu 33.



Biết cạnh của mỗi ô vuông trong hình trên đều dài 1cm. Tổng chu vi của tất cả các hình vuông có trong hình trên là:

A. 20 cm

B. 16 cm

C. 8 cm

D. 24 cm

Câu 34. Khi mẹ sinh con thì mẹ 24 tuổi và bố 27 tuổi. Hỏi khi con lên 9 tuổi thì tuổi bố gấp mấy lần tuổi con

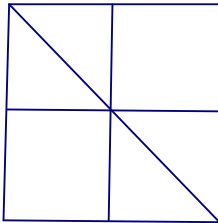
A. 9 lần

B. 3 lần

C. 4 lần

D. 6 lần

Câu 35. Hình dưới đây có bao nhiêu góc vuông:



A. 12

B. 4

C. 8

D. 16

Câu 36. Ta có $\frac{4}{5}$ của 65m là:

A. 92m

B. 62m

C. 102m

D. 52m

Câu 37. Kết quả của phép tính $73\,968 + 4\,819$ là:

A. 78\,787

B. 122\,158

C. 77\,777

D. 77\,787

Câu 38. Từ 5 chữ số: 1, 2, 3, 4, 0 có thể viết được bao nhiêu số có 2 chữ số khác nhau

A. 10 số

B. 16 số

C. 20 số

D. 12 số

Câu 39. Biết: $A = a + 23\,357$; $B = 23\,375 + a$ Hãy so sánh A và B:

A. $A = B$

B. $A > B$

C. Không thể so sánh được

D. $B > A$

Câu 40. Trong một lớp học, số học sinh nữ gấp đôi số học sinh nam. Sau khi 3 học sinh nữ chuyển đi lớp khác thì số học sinh nữ của lớp đó nhiều hơn số học sinh nam là 8 em. Hỏi lớp học hiện có bao nhiêu học sinh (sau khi chuyển)?

A. 24 học sinh

B. 30 học sinh

C. 33 học sinh

D. 27 học sinh

Câu 41. Giá trị của X trong biểu thức $\frac{4}{7} \times X = \frac{1}{3}$ là:

A. $\frac{4}{21}$

B. $\frac{12}{7}$

C. $\frac{3}{21}$

D. $\frac{7}{12}$

Câu 42. Biết: $A = a - 135$; $B = a - 153$ Hãy so sánh A và B:

A. Không thể so sánh được

B. $A > B$

C. $A = B$

D. $A < B$

Câu 43. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 8 phút 30 giây = giây là:

A. 240

B. 830

C. 510

D. 110

Câu 44. Có bao nhiêu số lẻ có ba chữ số?

A. 999

B. 450

C. 900

D. 500

Câu 45. Ta có 24kg bằng:

A. $\frac{4}{5}$ của 35kg

B. $\frac{3}{4}$ của 32kg

C. $\frac{5}{6}$ của 30kg

D. $\frac{2}{3}$ của 27kg

Câu 46. Kết quả của phép cộng: $2\,372 + 3\,983$ là:

A. 5 255

B. 6 355

C. 6 235

D. 6 255

Câu 47. Trong các phân số dưới đây, phân số bé hơn 1 là:

A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{8}{7}$

C. $\frac{7}{7}$

D. $\frac{8}{8}$

Câu 48. Chu vi của một hình chữ nhật là 48cm. Nếu chiều dài là 15cm thì diện tích hình chữ nhật là:

A. 135cm^2

B. 126cm^2

C. 720cm^2

D. 24cm^2

Câu 49. Trong các khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào dài nhất?

A. 1 giờ 25 phút

B. 85 phút

C. 2 giờ 5 phút

D. 128 phút

Câu 50. Phân số nào dưới đây nằm giữa $\frac{1}{3}$ và $\frac{5}{6}$?

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{2}{2}$

C. $\frac{4}{3}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 51. Tìm x biết: $\frac{x}{6} = \frac{10}{15}$

A. $x = 3$

B. $x = 5$

C. $x = 2$

D. $x = 4$

Câu 52. Kết quả của phép nhân: 837×103 là:

A. 20 002

B. 10 881

C. 86 211

D. 85 201

Câu 53. Giá trị của 1 phân số sẽ thay đổi như thế nào nếu ta nhân TS với $\frac{2}{3}$ và MS với $\frac{1}{3}$

A. gấp 3 lần

B. không thay đổi

C. gấp 2 lần

D. gấp 6 lần

Câu 54. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{3}{4}; \frac{7}{7}; \frac{3}{2}; \frac{4}{3}$ là:

A. $\frac{4}{3}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{7}{7}$

Câu 55. 5 yến 6 kg = kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 65

B. 56

C. 50

D. 60

Câu 56. Dãy số sau có bao nhiêu số hạng: 2, 5, 8, 11, 14, ... , 200

A. 66

B. 67

C. 200

D. 99

Câu 57. Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà các chữ số đều lẻ?

A. 125

B. 60

C. 150

D. 300

Câu 58. Có bao nhiêu số có 2 chữ số mà chữ số hàng đơn vị là 7:

A. 7 số

B. 10 số

C. 8 số

D. 9 số

Câu 59. Số 20052005 ... 2005 gồm 100 số 2005 ghép lại. Hỏi khi chia số này cho 9 sẽ dư mấy?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 4

Câu 60. Trong các số dưới đây, số nào là số hạng thuộc dãy số: 1, 4, 7, 10, 13, ...

A. 1122

B. 2222

C. 1111

D. 2345

Câu 61. Cho $A = 3275 + 4618$ và $B = 4215 + 3678$. Không làm tính cụ thể, hãy so sánh tổng A với B

A. Không thể so sánh được

B. $A < B$

C. $A > B$

D. $A = B$

Câu 62. Có bao nhiêu số chẵn có 2 chữ số mà chữ số hàng đơn vị là 7:

A. 5 số

B. Không có số nào

C. 9 số

D. 10 số

Câu 63. Dãy số: 1, 4, 7, 10, 13, ..., 100 có số lượng số hạng là:

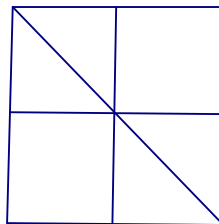
A. 30 số

B. 34 số

C. 50 số

D. 33 số

Câu 64. Hình dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng:



A. 18 đoạn thẳng

B. 21 đoạn thẳng

C. 14 đoạn thẳng

D. 7 đoạn thẳng

Câu 65. Để số $38a$ chia hết cho cả 2 và 3 thì a bằng?

A. 8

B. 6

C. 2

D. 4

Câu 66. Phân tích số 20 187 thành tổng. Cách phân tích nào dưới đây là đúng:

A. $2000 + 100 + 80 + 7$

B. $20\,000 + 100 + 80 + 7$

C. $20\,000 + 100 + 8 + 7$ **D.** $20\,000 + 1000 + 80 + 7$

Câu 67. Trong các phân số sau, phân số nào khác với các phân số còn lại :

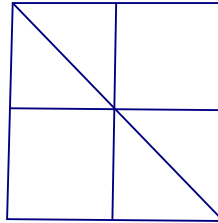
A. $\frac{7}{11}$

B. $\frac{145}{150}$

C. $\frac{2003}{2007}$

D. $\frac{1}{5}$

Câu 68. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình vuông:



A. 4 hình tam giác, 5 hình vuông

B. 6 hình tam giác, 4 hình vuông

C. 6 hình tam giác, 5 hình vuông

D. 4 hình tam giác, 4 hình vuông

Câu 69. Từ 3 chữ số: 1, 2, 0 có thể viết được bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau

A. 4 số

B. 6 số

C. 3 số

D. 5 số

Câu 70. Trong một hộp bi có 7 viên bi vàng, 8 viên bi xanh và 9 viên bi đỏ. Hỏi không nhìn vào hộp phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có 1 viên bi đỏ?

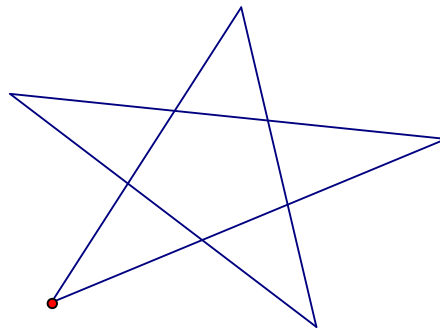
A. 15 viên

B. 9 viên

C. 16 viên

D. 8 viên

Câu 71. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác?



A. 10 hình tam giác, 10 hình tứ giác

B. 10 hình tam giác, 5 hình tứ giác

C. 5 hình tam giác, 10 hình tứ giác

D. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác

Câu 72. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $6m^225\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$ là:

A. 6025

B. 60 025

C. 600 025

D. 625

Câu 73. Lớp 4A có 32 bạn, biết $\frac{1}{3}$ số bạn trai bằng $\frac{1}{5}$ số bạn gái. Lớp 4A có số bạn trai là:

A. 15 bạn

B. 16 bạn

C. 12 bạn

D. 20 bạn

Câu 74. Từ ba chữ số 2; 4; 5 viết được số bé nhất có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 2 là:

A. 452

B. 245

C. 542

D. 254

Câu 75. Kể từ trái sang phải các chữ số 3 trong số 53 683 230 lần lượt chỉ

- A.** 3 triệu, 3 nghìn, 3 chục **B.** 3 chục triệu, 3 nghìn, 3 chục
C. 3 van, 3 nghìn, 3 chục **D.** 3 trăm nghìn, 3 nghìn, 3 đơn vị

Câu 76. Số liền sau số 1000000 là:

- A.** 999999 **B.** 10000001 **C.** 1000001 **D.** 1000010

Câu 77. Tích sau có tận cùng là chữ số nào: $3 \times 13 \times 23 \times 33 \times \dots \times 93$

- A.** Chữ số 1 **B.** Chữ số 7 **C.** Chữ số 9 **D.** Chữ số 3

Câu 78. Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{3}{7}$?

- A.** $\frac{3}{5}$ **B.** $\frac{8}{14}$ **C.** $\frac{9}{21}$ **D.** $\frac{6}{16}$

Câu 79. Tổ em có 10 ban, trong đó có 6 ban nữ. Tỉ số giữa số ban nữ và số ban nam trong tổ là:

- A.** $\frac{2}{3}$ **B.** $\frac{6}{10}$ **C.** $\frac{3}{2}$ **D.** $\frac{3}{5}$

Câu 80. Kết quả của biểu thức $5 + 5 \times 5 - 5 : 5$ là:

- A.** 9 **B.** 49 **C.** 5 **D.** 29

Câu 81. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn hơn 10 km?

- A.** 100km : 10 **B.** 5.000m + 4990m **C.** 3203m x 2 **D.** 16km - 5320m

Câu 82. Kết quả của phép trừ: $8\,035 - 6\,578$ là:

- A.** 1 457 **B.** 1 467 **C.** 1 357 **D.** 1 557

Câu 83. Kết quả của dãy tính: $94 \times 73 + 621 : 23$ là:

- A.** 6879 **B.** 6989 **C.** 6862 **D.** 6889

Câu 84. Điền thêm số tiếp theo vào dãy số sau cho hợp quy luật: 1 , 3 , 7 , 13 , 21 , ...

- A. 27** **B. 29** **C. 31** **D. 33**

Câu 85. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $4\text{km } 32\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$ là:

- A.** 4320 **B.** 40032 **C.** 432 **D.** 4032

Câu 86. Sắp xếp các phân số: $\frac{1}{2}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{8}{12}$, $\frac{5}{6}$, $\frac{7}{12}$ theo thứ tự từ bé đến lớn như sau:

- A.** $\frac{1}{2}, \frac{5}{6}, \frac{7}{12}, \frac{3}{4}, \frac{8}{12}$
- B.** $\frac{1}{2}, \frac{3}{4}, \frac{5}{6}, \frac{7}{12}, \frac{8}{12}$
- C.** $\frac{1}{2}, \frac{3}{4}, \frac{8}{12}, \frac{5}{6}, \frac{7}{12}$
- D.** $\frac{1}{2}, \frac{7}{12}, \frac{8}{12}, \frac{3}{4}, \frac{5}{6}$

Câu 87. Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức đúng là:

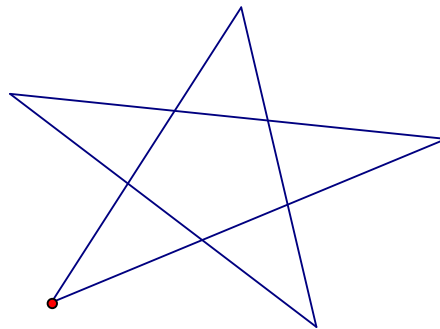
A. $10 - 2 \times 3 = 4$

B. $10 : 2 + 3 = 2$

C. $10 - 2 \times 3 = 24$

D. $10 + 2 \times 3 = 36$

Câu 88. Hình dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



A. 15 đoạn thẳng

B. 30 đoạn thẳng

C. 5 đoạn thẳng

D. 24 đoạn thẳng

Câu 89. Cho $14758 = 10000 + 4000 + \dots + 50 + 8$ Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 700

B. 7000

C. 70

D. 7

Câu 90. Cộng phân số nào dưới đây với phân số $\frac{5}{8}$ thì được phân số lớn hơn 1?

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{3}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 91. Giá trị của X trong biểu thức $X + \frac{1}{3} = \frac{4}{5}$ là:

A. $\frac{7}{15}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{19}{15}$

D. $\frac{5}{15}$

Câu 92. Điền thêm số tiếp theo vào dãy số sau cho hợp quy luật: 1, 1, 2, 3, 3, 5, 4, 7, □

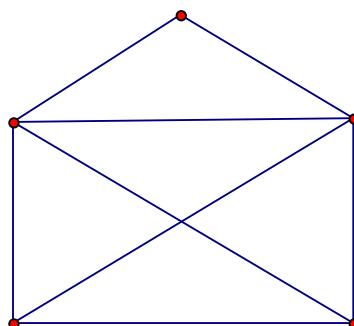
A. 5

B. 8

C. 10

D. 6

Câu 93.



Hình trên có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác:

A. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác

B. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác

C. 9 hình tam giác, 4 hình tứ giác

D. 9 hình tam giác, 2 hình tứ giác

Câu 94. Cho $303 \times 30 = (\dots \times 30) + (3 \times 30)$ Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 3**B. 303****C. 300****D. 30**

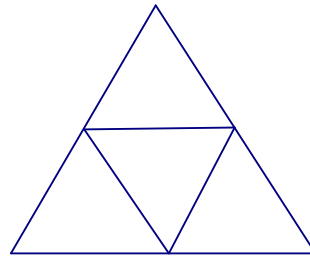
Câu 95. Diện tích 1 hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu gấp chiều dài lên 3 lần và chiều rộng lên 2 lần:

A. gấp 3 lần**B. gấp 2 lần****C. gấp 5 lần****D. gấp 6 lần**

Câu 96. Kết quả của phép chia: $50\,050 : 25$ là:

A. 20\,002**B. 202****C. 2002****D. 220**

Câu 97. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác?

**A. 4 hình tam giác, 3 hình tứ giác****B. 4 hình tam giác, 6 hình tứ giác****C. 5 hình tam giác, 6 hình tứ giác****D. 5 hình tam giác, 3 hình tứ giác**

Câu 98. Trong các số dưới đây, số nào không thuộc dãy số: 1, 4, 7, 10, 13, ...

A. 100**B. 1234****C. 1000****D. 2007**

Câu 99. Một hình chữ nhật có chiều dài 20cm, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật?

A. 200cm^2 **B. 160cm^2** **C. 180cm^2** **D. 100cm^2**

Câu 100. Kết quả của phép nhân: 123×19 là:

A. 2317**B. 1230****C. 2\,237****D. 2337**

Câu 101. Nếu cứ viết tiếp thì số nào trong các số dưới đây là số hạng của dãy số sau: 2, 5, 8, 11, 14,

A. 2008**B. 2011****C. 2010****D. 2009**

Câu 102. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của dãy số 3; 7; 11; 15; ; 23; 27 là:

A. 19**B. 16****C. 18****D. 17**

Câu 103. Có 5 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng với nhau, em muốn chọn 3 điểm để vẽ 1 hình tam giác. Hỏi có bao nhiêu cách chọn?

A. 20 cách**B. 30 cách****C. 10 cách****D. 15 cách**

Câu 104. Dãy phân số nào dưới đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

A. $\frac{2}{7}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{1}{2}$ **B. $\frac{2}{5}$; $\frac{2}{7}$; $\frac{1}{2}$** **C. $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{7}$; $\frac{2}{5}$** **D. $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{2}{7}$**

Câu 105. $12\text{ m}^2 = \dots\text{ cm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

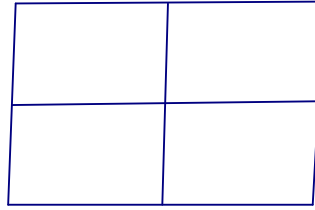
A. 12000

B. 120 000

C. 1 200

D. 120

Câu 106. Hình dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



A. 6 đoạn thẳng

B. 18 đoạn thẳng

C. 15 đoạn thẳng

D. 12 đoạn thẳng

Câu 107. Nếu viết ra giấy các số từ 1 đến 100 thì phải viết chữ số 9 bao nhiêu lần?

A. 19 lần

B. 20 lần

C. 11 lần

D. 10 lần

Câu 108. 

Hình trên có bao nhiêu đoạn thẳng?

A. 15 đoạn thẳng.

B. 10 đoạn thẳng.

C. 5 đoạn thẳng.

D. 12 đoạn thẳng.

Câu 109. Số "hai mươi triệu không nghìn bốn trăm linh tám " viết là:

A. 2000408

B. 20004008

C. 2040008

D. 20000408

Câu 110. Cho 4 chữ số: 1, 0, 2, 4 . Hỏi viết được bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau?

A. 18 số

B. 6 số

C. 12 số

D. 24 số

Câu 111. Kết quả của phép tính $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7}$ là:

A. $\frac{5}{35}$

B. $\frac{6}{35}$

C. $\frac{5}{12}$

D. $\frac{6}{12}$

Câu 112. Chữ số 8 trong số 7685320705 có giá trị là:

A. 8000000

B. 800000

C. 800000000

D. 80000000

Câu 113. Phân số bé nhất trong các phân số dưới đây là:

A. $\frac{11}{23}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{10}{22}$

D. $\frac{4}{11}$

Câu 114. Một người nuôi 40 con thỏ. Sau khi bán $\frac{1}{5}$ số con thỏ, người đó nhốt đều số thỏ còn lại vào 8 chuồng. Hỏi mỗi chuồng nhốt mấy con thỏ?

A. 6 con thỏ

B. 4 con thỏ

C. 5 con thỏ

D. 32 con thỏ

Câu 115. Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị bé nhất?

A. $\frac{2}{5} \times \frac{5}{2}$

B. $1 + \frac{3}{4}$

C. $\frac{5}{4} - \frac{3}{8}$

D. $1 : \frac{2}{3}$

Câu 116. Tìm số tự nhiên **a** lớn nhất để: $238 \times a < 1193$

A. $a = 4$

B. $a = 3$

C. $a = 6$

D. $a = 5$

Câu 117. $4 \text{ m}^2 2 \text{ dm}^2 = \dots \text{ dm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 4020

B. 420

C. 42

D. 402

Câu 118. Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{2}{3}$

Câu 119. Số 3 có thể viết thành:

A. $\frac{30}{10}$

B. $\frac{3}{10}$

C. $\frac{30}{3}$

D. $\frac{30}{30}$

Câu 120. Trong các số dưới đây, số nào không thuộc dãy số: 2, 5, 8, 11, 14, ...

A. 2 333

B. 23 456

C. 21 345

D. 2 000

Câu 121. Hôm nay là ngày thứ năm. Hỏi 100 ngày sau sẽ là ngày thứ mấy của tuần lễ.

A. Thứ bảy

B. Thứ hai

C. Chủ nhật

D. Thứ sáu

Câu 122. Cho 6 số: 1, 2, 3, 4, 5, 6. Hỏi có bao nhiêu cách chọn 3 số từ các số đã cho để tổng 3 số đó là 1 số chẵn?

A. 8

B. 10

C. 9

D. 11

Câu 123. Chữ cái thứ 100 của dãy: KINHMONKINHMONKINH là chữ cái nào?

A. Chữ N

B. Chữ I

C. Chữ K

D. Chữ O

Câu 124. Điền thêm số tiếp theo vào dãy số sau cho hợp quy luật: 2, 5, 11, 23, □..

A. 41

B. 35

C. 34

D. 47

Câu 125. Kết quả của phép chia $13800 : 24$ là:

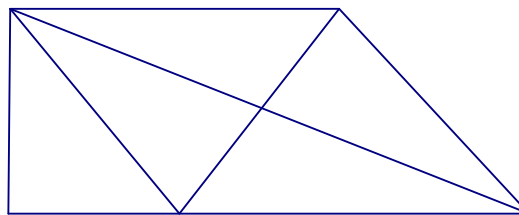
A. 557

B. 575

C. 455

D. 475

Câu 126.



Hình trên có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác?

A. 10 hình tam giác, 4 hình tứ giác.

B. 9 hình tam giác, 3 hình tứ giác.

C. 9 hình tam giác, 4 hình tứ giác.

D. 10 hình tam giác, 3 hình tứ giác.

Câu 127. Phân số bằng phân số $\frac{5}{7}$ là:

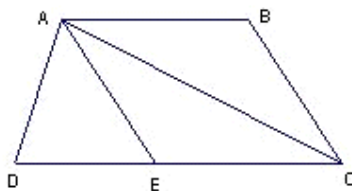
A. $\frac{12}{40}$

B. $\frac{11}{42}$

C. $\frac{16}{20}$

D. $\frac{25}{35}$

Câu 128. Cho hình vẽ:



Đỉnh A là đỉnh chung của bao nhiêu hình tam giác?

A. 4 hình

B. 6 hình

C. 2 hình

D. 3 hình

Câu 129. Nhân 4 số tự nhiên liên tiếp với nhau, 3 bạn được 3 kết quả như dưới đây. Hỏi kết quả nào đúng?

A. cả 3 đều sai

B. 6284

C. 6824

D. 8624

Câu 130. Số gồm 7 triệu, 2 trăm nghìn, 5 nghìn, 8 trăm, 3 đơn vị viết là:

A. 70250803

B. 7205083

C. 7205803

D. 725803

Câu 131. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{5}{8}$?

A. $\frac{10}{24}$

B. $\frac{15}{24}$

C. $\frac{15}{16}$

D. $\frac{20}{24}$

Câu 132. Tổng của 4 số là 130. Trung bình cộng của 3 số đầu là 40. Hỏi số thứ tư bằng bao nhiêu?

A. 30

B. 10

C. 40

D. 90

Câu 133. Có 2.135 quyển vở được xếp vào 7 thùng. Hỏi 5 thùng đó có bao nhiêu quyển vở?

A. 1.525 quyển

B. 35 quyển

C. 705 quyển

D. 305 quyển

Câu 134. Phân số còn thiếu trong dãy sau: $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{12}$, $\frac{1}{30}$, $\frac{1}{56}$, , $\frac{1}{132}$ là:

A. $\frac{1}{94}$

B. $\frac{1}{90}$

C. $\frac{1}{86}$

D. $\frac{1}{98}$

Câu 135. Kết quả của phép tính $1 + \frac{3}{4}$ là:

A. $\frac{4}{4}$

B. $\frac{7}{4}$

C. $\frac{6}{4}$

D. $\frac{5}{4}$

Câu 136. Phân số bé nhất trong các phân số dưới đây là:

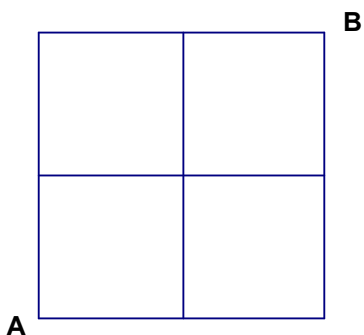
A. $\frac{7}{11}$

B. $\frac{7}{12}$

C. $\frac{6}{11}$

D. $\frac{6}{10}$

Câu 137.



Biết cạnh của mỗi ô vuông trong hình vẽ trên đều dài 1cm. Em hãy tìm xem có bao nhiêu đường gấp khúc đi từ A tới B dài 4 cm.

- A.** 5 đường **B.** 4 đường **C.** 6 đường **D.** 3 đường

Câu 138. Có bao nhiêu số có 2 chữ số?

- A.** 99 **B.** 89 **C.** 50 **D.** 90

Câu 139. Kết quả của phép tính $\frac{4}{5}$ phút - $\frac{3}{4}$ phút = giây là:

- A.** 5 giây **B.** 3 giây **C.** 2 giây **D.** 4 giây

Câu 140. Kết quả của biểu thức $\frac{3}{5} - \frac{1}{5} \times \frac{1}{6}$ là:

- A.** $\frac{17}{30}$ **B.** $\frac{1}{15}$ **C.** $\frac{23}{55}$ **D.** $\frac{17}{150}$

Câu 141. Một hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 8 cm. Hỏi một hình vuông có cùng chu vi với hình chữ nhật đó thì có diện tích là bao nhiêu?

- A.** 40 cm² **B.** 160 cm² **C.** 96 cm² **D.** 100 cm²

Câu 142. Số gồm có năm vạn tám nghìn hai chục và sáu đơn vị được viết là:

- A.** 58 260 **B.** 58 206 **C.** 508 026 **D.** 58 026

Câu 143. $1 \text{ km}^2 265 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A.** 1000265 **B.** 10265 **C.** 100265 **D.** 1265

Câu 144. Để số $2007a$ chia hết cho cả 2 và 3 thì a bằng:

- A.** 2 **B.** 8 **C.** 6 **D.** 4

Câu 145. Biểu thức nào sau đây có kết quả bằng 34×78 ?

- A.** $(30 \times 78) + (4 \times 78)$ **B.** $(30 + 78) + (4 + 78)$
C. $(30 \times 78) \times (4 \times 78)$ **D.** $(30 + 78) \times (4 \times 78)$

Câu 146. Dãy số: 2, 4, 6, 8, 10, ,100 có bao nhiêu chữ số:

- A.** 98 **B.** 97 **C.** 100 **D.** 99

Câu 148. Giá trị của biểu thức $\frac{5}{6} - \frac{1}{3} \times 2$ là:

A. $\frac{3}{6}$

B. $\frac{8}{3}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{6}{6}$

Câu 149. Trung bình cộng của 4 số là 14, biết trung bình cộng của 3 số trong 4 số là 15. Tìm số còn lại

A. 15

B. 13

C. 11

D. 12

Câu 150. Trung bình số đo chiều cao của 3 bạn nam và 4 bạn nữ là 140cm. Chiều cao của bạn nam thứ tư là 124cm. Hỏi trung bình số đo chiều cao của 4 bạn nam và 4 bạn nữ đó là bao nhiêu?

A. 128cm

B. 140cm

C. 124cm

D. 138cm

Câu 151. Số lớn nhất trong các số 876459; 867459; 867549; 876549 là:

A. 876549

B. 867459

C. 867549

D. 876459

Câu 152. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{7}$?

A. $\frac{8}{14}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{6}{16}$

D. $\frac{9}{21}$

Câu 153. Hằng ngày Lan thường tập chạy. Ngày thứ nhất Lan chạy được 500m, ngày thứ hai chạy được 620m, ngày thứ ba chạy được 500m. Như vậy trong ba ngày, trung bình mỗi ngày Lan chạy được là:

A. 500m

B. 560m

C. 520m

D. 540m

Câu 154. Cho 4 chữ số: 1, 2, 3, 4. Từ 4 chữ số đó viết được bao nhiêu số chẵn có 3 chữ số khác nhau

A. 15 số

B. 12 số

C. 24 số

D. 10 số

A. 33

B. 36

C. 163

D. 243

Câu 156. Biết: $A = 345\,678 - a$; $B = 345\,768 - a$ Hãy so sánh A và B:

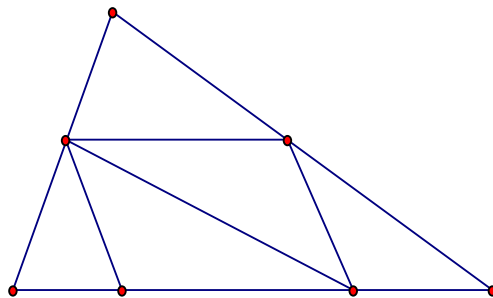
A. $A > B$

B. Không thể so sánh được

C. $B > A$

D. $A = B$

Câu 157.



Hình trên có số đoạn thẳng là:

A. 16 đoạn

B. 13 đoạn

C. 15 đoạn

D. 18 đoạn

Câu 158. Số còn thiếu trong dãy : 1 , 4 , 10 , 22 , là:

A. 46

B. 36

C. 44

D. 32

Câu 159. Bốn giờ bằng một phần mấy của một ngày?

A. $\frac{1}{12}$ ngày

B. $\frac{1}{4}$ ngày

C. $\frac{1}{6}$ ngày

D. $\frac{1}{3}$ ngày

Câu 161. Chu vi một hình chữ nhật gấp 10 lần chiều rộng. Hỏi chiều dài gấp mấy lần chiều rộng?

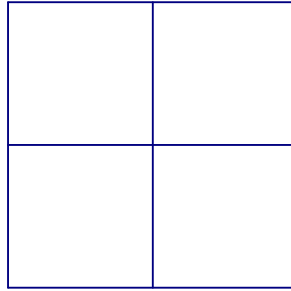
A. 3 lần

B. 4 lần

C. 2 lần

D. 5 lần

Câu 162.



Biết cạnh của mỗi ô vuông trong hình trên đều dài 1cm. Tổng diện tích của tất cả các hình vuông có trong hình trên là:

A. 24 cm²

B. 4 cm²

C. 8 cm²

D. 16 cm²

Câu 163. Điền số còn thiếu vào dãy số sau sao cho hợp lí: 1, 3, 4, 7, ,18

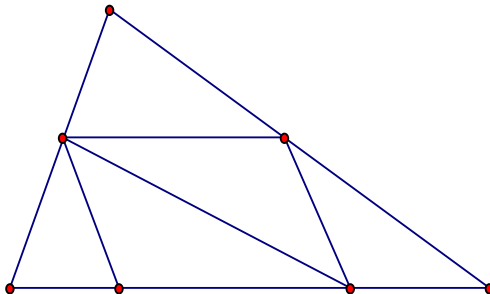
A. 11

B. 9

C. 14

D. 15

Câu 164.



Hình trên có số hình tam giác và tứ giác là:

A. 6 tam giác, 5 tứ giác. B. 7 tam giác, 5 tứ giác.

C. 7 tam giác, 7 tứ giác. D. 7 tam giác, 6 tứ giác.

Câu 165. Kết quả của phép tính $1 - \frac{1}{4}$ là:

A. $\frac{5}{4}$

B. $\frac{2}{4}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{4}{4}$

Câu 166. Rút gọn phân số $\frac{12}{18}$, ta được phân số nào sau đây:

A. $\frac{3}{6}$

B. $\frac{4}{6}$

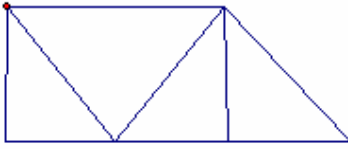
C. $\frac{4}{9}$

D. $\frac{2}{3}$

Câu 167. Số bé nhất trong các số 145372; 145732; 145723; 145327 là:

- A. 145723 B. 145327 C. 145372 D. 145732

Câu 168. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác?

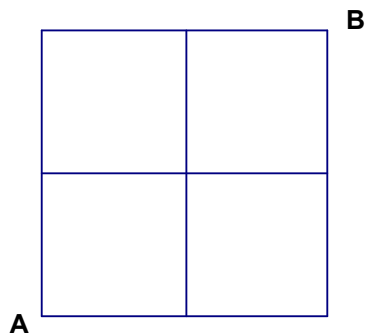


- A. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác B. 4 hình tam giác, 4 hình tứ giác
C. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác D. 4 hình tam giác, 5 hình tứ giác

Câu 169. Cho dãy số 4836; 5236; 5636;...; 6436 Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 6236 B. 5836 C. 5736 D. 6036

Câu 170.



Biết cạnh của mỗi ô vuông trong hình vẽ trên đều dài 1cm. Em hãy tìm xem có bao nhiêu đường gấp khúc đi từ A tới B dài 6 cm.

- A. 5 đường B. 2 đường C. 3 đường D. 4 đường
A. 305 B. 350 C. 3050 D. 35

Câu 173. Cho $\frac{4}{13} + \frac{2}{13} + \frac{2}{13} = \dots \times \frac{1}{13}$ Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 16 B. 7 C. 11 D. 8

Câu 174. Hiệu của 5 và $\frac{1}{4}$ là:

- A. $\frac{19}{4}$ B. $\frac{4}{4}$ C. $\frac{5}{4}$ D. $\frac{21}{4}$

Câu 176. Trong các phân số $\frac{1}{2}; \frac{5}{6}; \frac{11}{2}; \frac{4}{5}$ phân số gần bằng $\frac{2}{3}$ nhất là:

- A. $\frac{11}{12}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{4}{5}$

Câu 177. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 9 tấn 6 yến = ... là:

- A. 9060 B. 9006 C. 960 D. 96

Câu 178. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $1\text{km}^2\ 265\text{m}^2 = \dots\dots\text{m}^2$ là:

A. 1265

B. 1000265

C. 10265

D. 100265